

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 3 năm 2021

V/v: “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc**

2. Bà **Nguyễn Huỳnh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Len** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 844/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1991 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1976 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Huỳnh Thị Kim T** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Chí T** chung sống với nhau từ khoảng năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do, trong cuộc sống thường bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần, nhưng phía anh T không thay đổi. Do, anh T không lo lắng làm ăn, ham chơi và không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị đã không còn sống chung với anh T, hiện chị đã về cha mẹ ruột sinh sống. Nay, chị xác định mục đích hôn

nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên: Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/2009 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Chí H, sinh ngày 01/11/2012 (Giới tính: Nam). Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng, nếu các cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Chí T** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị T. Anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để cùng nhau lo cho các con.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị T. Trường hợp, Tòa án có giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng, nếu các cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Chí N có nguyện vọng được sống chung với anh Nguyễn Chí T, còn cháu Nguyễn Chí H có nguyện vọng được sống chung với chị Huỳnh Thị Kim T.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện và bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

Tại phần tranh luận, Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như sau:

Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/2009 cho anh Nguyễn Chí T và giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 01/11/2012 chị Huỳnh Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị T, anh T không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, đồng thời nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung:

[3] Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 99, Quyền số: 02/2013 ngày 28/7/2014), nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Chị T yêu cầu ly hôn, anh T yêu cầu được hàn gắn gia đình và mâu thuẫn giữa anh, chị đã được Tòa án tổ chức tiến hành hòa giải nhưng không thành.

[5] Tại phiên tòa, những lý do mâu thuẫn của vợ chồng đều được chị T và anh T xác định tại Biên bản hòa giải ngày 18/12/2020 là có, nhưng anh T xác định mâu thuẫn không trầm trọng. Chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng và chị đã cố gắng chung sống để hàn gắn nhưng đến nay chị xác định không thể hàn gắn và khẳng định không còn tình cảm gì với anh T.

[6] Đối với anh T, mặc dù vẫn còn tình cảm với chị T nhưng trong suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn và cho đến phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt và cũng không có ý kiến hoặc có biện pháp nào thuyết phục được chị T để tiếp tục chung sống vợ chồng.

[7] Trong khi quan hệ vợ chồng phải được xây dựng trên tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau, chỉ một mình anh T cố gắng hàn gắn trong khi chị T xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn.

[8] Và thực tế giữa chị T và anh T đã không còn sống chung, không còn quan tâm đến nhau, nạnh ai nấy sống. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

[9] Xét, mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014.

[10] Về con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì sau khi ly hôn: “trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Đối với chị T và anh T thống nhất yêu cầu xem xét nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng. Căn cứ vào biên bản ghi nhận ý kiến thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với anh T, cháu H có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự ổn định trong cuộc sống, nên cần giao cháu N cho anh T và giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

[11] Về cấp dưỡng: Do chị T và anh T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[12] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị T và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[13] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà chị T đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004393 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (chị T đã dự nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/2009 (Giới tính: Nam) cho anh Nguyễn Chí T và giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 01/11/2012 (Giới tính: Nam) cho chị Huỳnh Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà chị T đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004393 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (chị T đã dự nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang